

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 14/7/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ;
2. Bà Phạm Thị Thiện;

Thư ký phiên toà: Bà Võ An Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 208/2020/TLST–HNST ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “***Tranh chấp ly hôn***”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2020/QĐST-HN ngày 23/6/2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Phạm Việt T**, sinh năm 1989. (Có mặt)

ĐKTT: 5A đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

* **Bị đơn:** Bà **Châu Thị Thiên H**, sinh năm 1990. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKTT: 5A đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: 423 đường P, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Ông T trình bày:

Ông và bà Châu Thị Thiên H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân phường X, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 30/11/2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Sau nhiều lần tìm các biện pháp để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng nên bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 9/2019 đến nay. Nay xét thấy không thể hàn gắn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với bà H nên ông T có yêu cầu xin được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Phương A (nữ), sinh ngày 13/12/2017. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện giờ cháu đang sống với mẹ, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 8.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Bà Châu Thị Thiên H trình bày tại bản tự khai:

Thông nhất với ý kiến của ông T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống. Bà xác định vợ chồng có mâu thuẫn như ông T trình bày và hiện đã ly thân. Nay ông T xin ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Cháu Phạm Phương A hiện do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, nên bà thống nhất với đề xuất và mức cấp dưỡng nuôi con mà ông T đề ra là 8.000.000đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Bà H có đơn xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết.

Tại phiên toà :

Bị đơn – bà H vắng mặt.

Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu và trình bày như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H đã có bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của ông T và có yêu cầu được giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án. Do vậy căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà H là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H có địa chỉ cư trú tại quận N nên thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp này là của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của các bên cho thấy vợ chồng ông bà có sự bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã. Vợ chồng ly thân đã lâu và không tìm được biện pháp nào nhằm cải thiện tình trạng mâu thuẫn, xung đột. Nay ông T có yêu cầu xin được ly hôn, bà H cũng thống nhất, điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[4] Về con chung: Cháu Phạm Phương A (nữ), sinh ngày 13/12/2017 hiện do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông bà thống nhất giao cháu cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 8.000.000 đồng/tháng. Xét đây là sự tự thỏa thuận của đương sự, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà xác định không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Án phí cấp dưỡng: Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông **Phạm Việt T** đối với bà **Châu Thị Thiên H**.

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm Phương A (nữ), sinh ngày 13/12/2017 cho bà Châu Thị Thiên H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phạm Việt T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 8.000.000 đồng/tháng.

Thời gian và cách thức cấp dưỡng: Bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông T phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai thu số 002394 ngày 10/3/2020 thành án phí.

5/ *Án phí cấp dưỡng*: Ông T phải chịu 150.000đồng.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận Ninh Kiều;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND phường Xuân Khánh;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ